



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BẮC GIANG

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 12 VÀ CẢ NĂM 2024



0204.3823.995



Website: cucthongkebacgiang.gso.gov.vn

Bắc Giang, tháng 01 năm 2025



Tốc độ tăng một số chỉ tiêu năm 2024



► GRDP

+ 13,85%



► Vốn đầu tư

- 22,3%



► Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

+ 27,7%



► Tổng mức bán lẻ

+ 14,9%

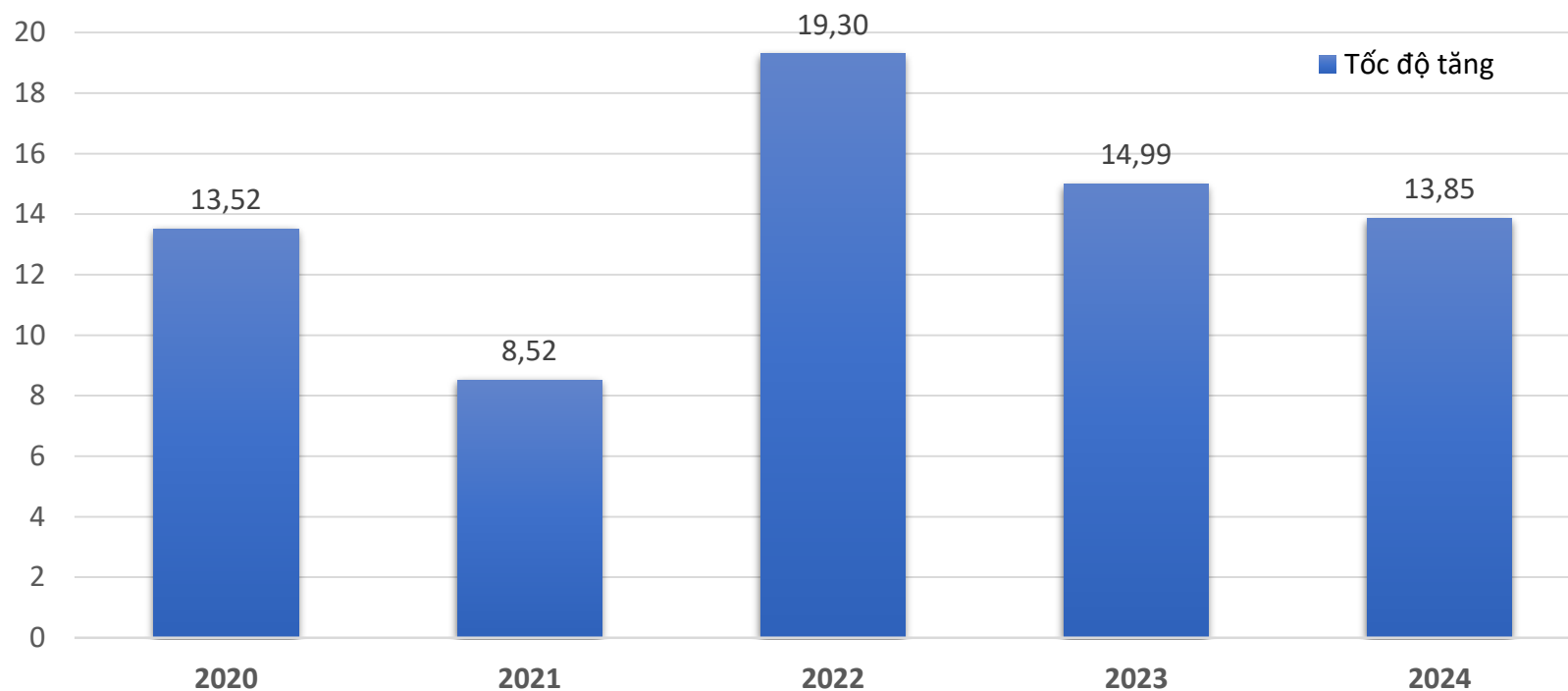


► Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

+ 3,33%



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GRDP 2020-2024 (%)





Tốc độ tăng grdp năm 2024 (%)

↑ 13,85 %

Nông nghiệp



↓ 3,32 %

CN - XD



↑ 17,94 %

Dịch vụ



↑ 6,83 %

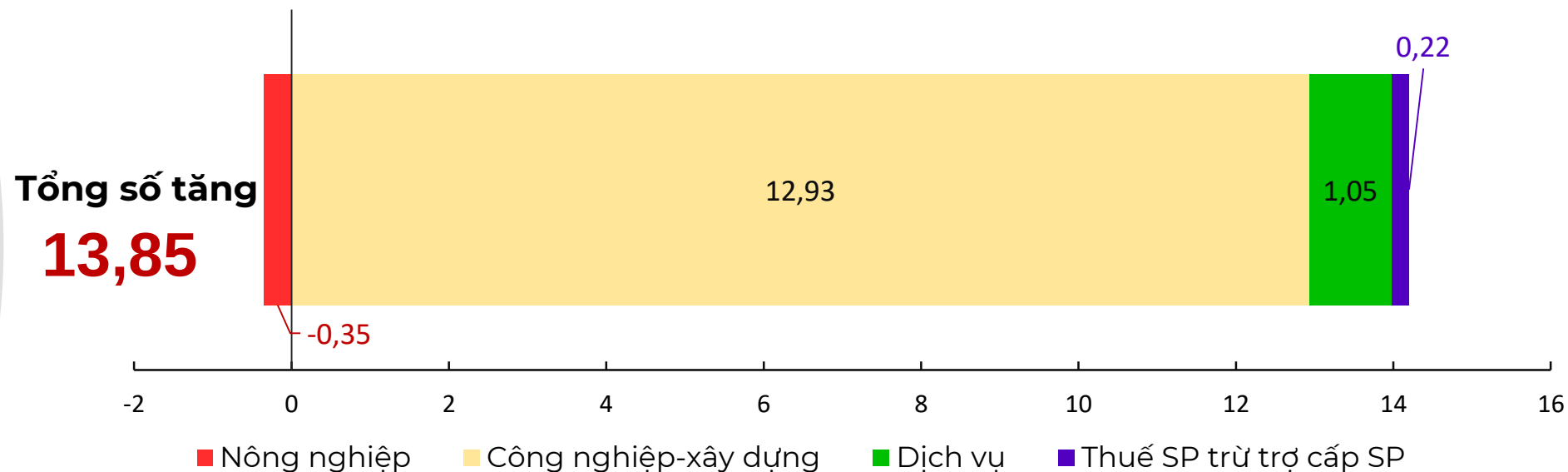
Thuế sp ...



↑ 11,66 %



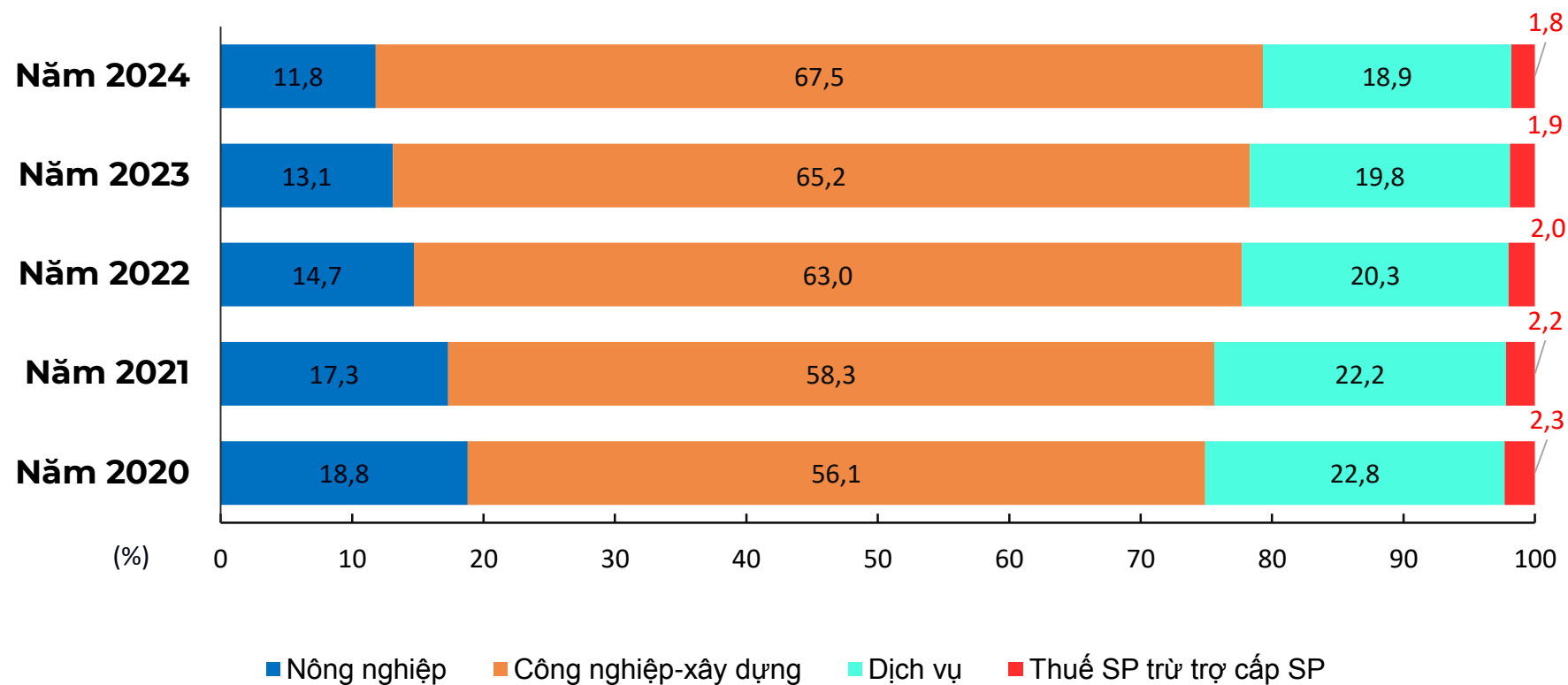
ĐÓNG GÓP CÁC KHU VỰC KINH TẾ VÀO TĂNG TRƯỞNG CHUNG (%)





SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

CƠ CẤU KINH TẾ (%)





SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

Tổng số vốn đầu tư thực hiện năm 2024

64,5
nghìn tỷ đồng



↓ **22,3** %

10,3

nghìn tỷ đồng



Vốn nhà
nước

↓ **30,6** %

33,5

nghìn tỷ đồng



Vốn ngoài
nhà nước

↓ **19,2** %

20,7

nghìn tỷ đồng



Vốn nước
ngoài

↓ **22,5** %



Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2024 so với cùng kỳ

↑ 27,68 %

Khai
khoáng



↑ 1,34 %

Chế biến,
chế tạo



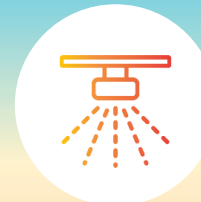
↑ 28,16%

Sản xuất
phân phối
điện ...



↑ 3,46 %

Cung cấp
nước, xử lý rác
...



↑ 6,0 %



SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

Một số sản phẩm chủ yếu năm 2024 so với cùng kỳ



237,5 triệu cái **↑ 28,3%**
Bộ com-lê, quần áo ...



398,5 nghìn tấn **↑ 1,9%**
U rê



107,9 triệu cái **↑ 46,7%**
Tai nghe nối micro



6,0 triệu cái **↑ 39,1 %**
Đồng hồ (6-10 triệu)



100,3 nghìn tấn **↑ 31,2%**
Thức ăn chăn nuôi



453,9 triệu cái **↑ 21,0%**
Mạch điện tử tích hợp



254,4 triệu cái **↑ 12,9 %**
Thiết bị ngoại vi



6561,7 triệu KWh **↑ 9,5%**
Điện thương phẩm



SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG MỘT SỐ CÂY HÀNG NĂM 2024 SO VỚI CÙNG KỲ 2023

94,8 nghìn ha

↓ **11,1 %**



Lúa

10,8 nghìn ha

↑ **4,1 %**



Ngô

3,5 nghìn ha

↑ **2,6 %**



Khoai lang

25,9 nghìn ha

↓ **0,8 %**



Rau các loại

7,5 nghìn ha

↓ **2,2 %**



Lạc





SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ CÂY HÀNG NĂM 2024 SO VỚI CÙNG KỲ 2023

495,7 nghìn tấn

📉 **10,6 %**



Lúa

43,5 nghìn tấn

📉 **1,3 %**



Ngô

40,2 nghìn tấn

📈 **2,4 %**



Khoai lang

451 nghìn tấn

📉 **3,2 %**



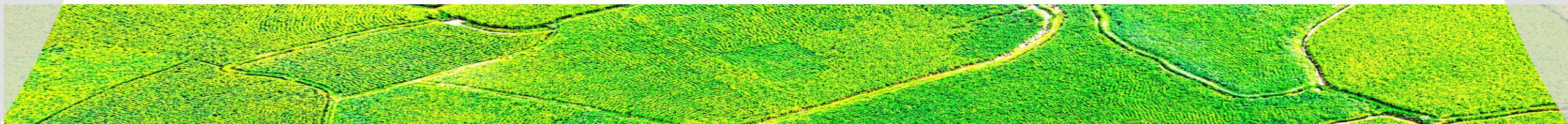
Rau các loại

19,6 nghìn tấn

📉 **3,1 %**



Lạc





SẢN LƯỢNG MỘT SỐ CÂY LÂU NĂM 2024 SO VỚI CÙNG KỲ 2023

19,5 nghìn tấn

↓ **5,2 %**



Chuối

24,3 nghìn tấn

↓ **27,1 %**



Cam

37,4 nghìn tấn

↓ **14,6 %**



Bưởi

14,9 nghìn tấn

↓ **1,8 %**



Táo

97,3 nghìn tấn

↓ **52,5 %**



Vải



SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

SẢN LƯỢNG THỊT HƠI XUẤT CHUỒNG NĂM 2024 SO VỚI CÙNG KỲ 2023

Trâu 	
Đầu con	Sản lượng
27,0 Nghìn con	1,8 Nghìn tấn
↓ 1,4 %	↓ 3,1 %

Bò 	
Đầu con	Sản lượng
101,1 Nghìn con	5,3 Nghìn tấn
↓ 1,1 %	↓ 1,1 %

Lợn 	
Đầu con	Sản lượng
846,7 Nghìn con	182,6 Nghìn tấn
↓ 0,7 %	↑ 4,3 %

Gà 	
Đầu con	Sản lượng
17,2 Triệu con	102,3 Nghìn tấn
↑ 1,1 %	↑ 6,4 %





LÂM NGHIỆP

Tình hình sản xuất năm 2024 so với cùng kỳ

11101
ha



↑ 5,4%

Trồng rừng

5,2
triệu cây



↑ 1,3%

Trồng cây
phân tán

903,7
nghìn m³



↑ 5,2%

Gỗ

78,5
nghìn Ste



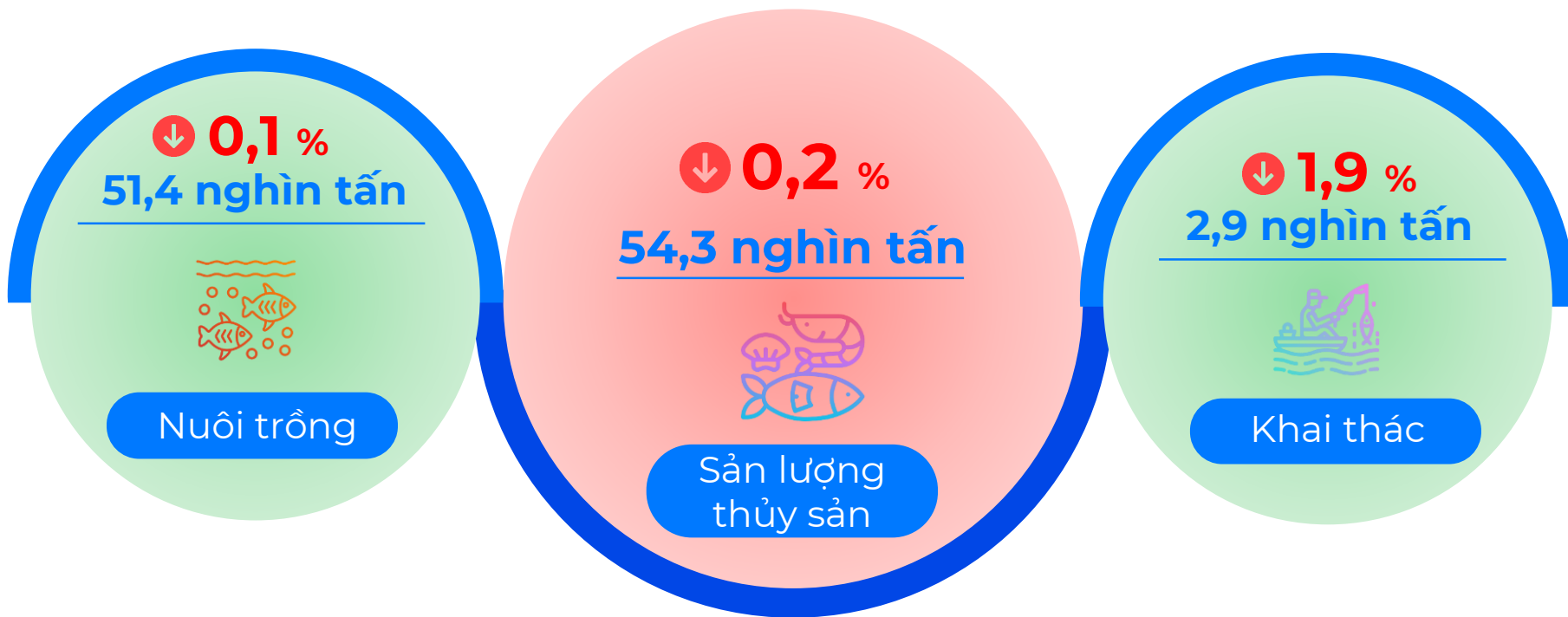
↑ 5,8%

Củi



THỦY SẢN

Sản lượng thủy sản năm 2024 so với cùng kỳ



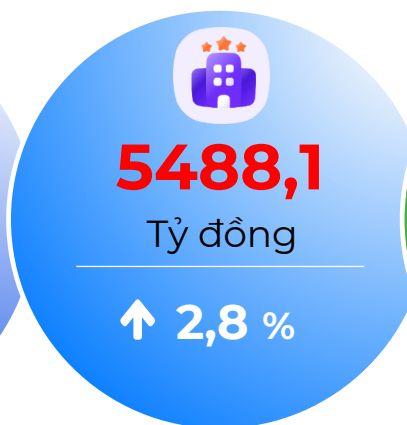


THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

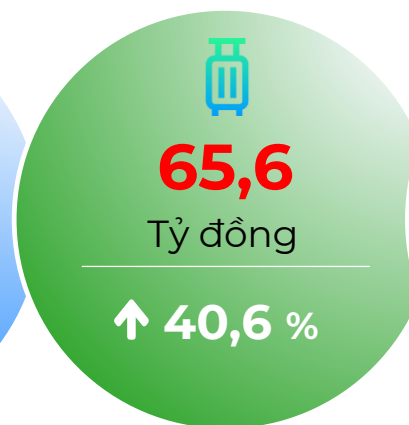
Tổng mức Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2024 đạt 66,9 nghìn tỷ đồng, tăng 14,8%



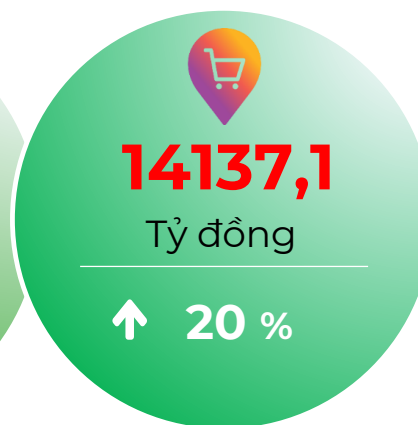
**Bán lẻ
hàng hoá**



**Lưu trú ăn
uống**



**Du lịch lữ
hành**



**Dịch vụ
khác**

Tổng mức Bán lẻ hàng hoá năm 2024 ước đạt 47,2 nghìn tỷ đồng, tăng 14,9%





SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024



Vận tải hàng hóa

**Năm
2024**

- Vận chuyển: 93,6 Triệu tấn – ↑ 8,8 %
- Luân chuyển: 2,425 Triệu tấn.km – ↑ 9,6%

- Vận chuyển: 55,2 Triệu HK – ↑ 9,6%
- Luân chuyển: 2.262,8 Triệu HK.km – ↑ 12,1%

**Năm
2024**

Vận tải hành khách

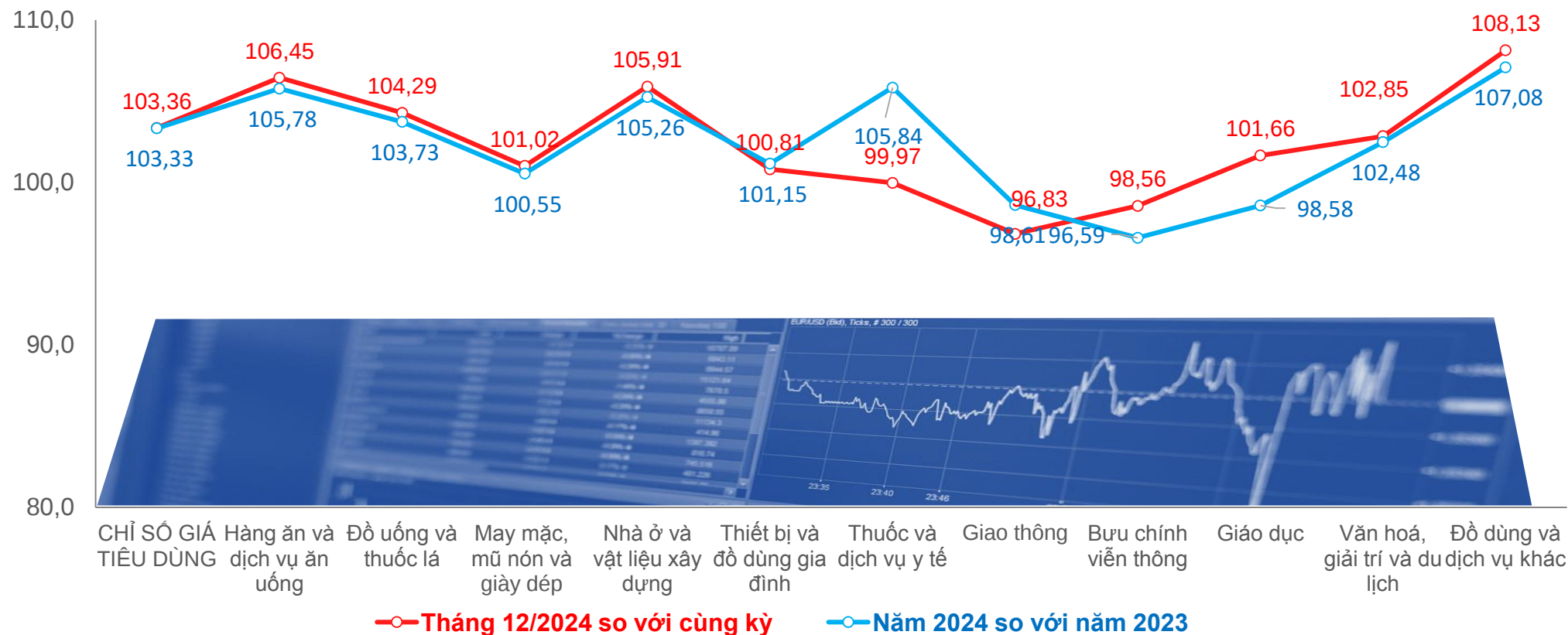




SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

CPI

Chỉ số giá tiêu dùng CPI (%)





XUẤT NHẬP KHẨU NĂM 2024 SO VỚI CÙNG KỲ

27,4 tỷ USD

↑ 31,9 %

Nhập khẩu

IMPORT

30,1 tỷ USD

↑ 22,2 %

Xuất khẩu

EXPORT

